TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/DS-ST
Ngày: 26-12-2025
"V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản và hủy chỉnh lý trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Sầm;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số A đường C, phường P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST-DS, ngày 16/01/2025 về "*Tranh chấp chia thừa kế tài sản và yêu cầu hủy chỉnh lý trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2025/QĐXXST-DS, ngày 24/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2025/QĐST-DS, ngày 11/12/2025, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn*:

1-1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1970 (có mặt).

1-2. Ông Phan Văn L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

1-3. Ông Phan Văn G, sinh năm 1978 (có mặt).

1-4. Ông Phan Văn T, sinh năm 1980 (có mặt).

1-5. Ông Phan Văn T1, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (Trước đây là ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng).

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông G, ông T, ông Tl* là nguyên đơn ông Phan Văn B, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Láng*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955 Địa chỉ: Số G, Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (Trước đây là số 77, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng) (có mặt).

2- Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (Trước đây là ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng) (có mặt).

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phan Thị Kim S, sinh năm 1975. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (Trước đây là ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng). Chỗ ở hiện nay: Số A, đường Đ, khóm D, phường D, quận Đ, thành phố T, Đài Loan (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955 Địa chỉ: Số G, ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (Trước đây là số 77, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2025, các nguyên đơn Phan Văn B, Phan Văn L, Phan Văn G, Phan Văn T và Phan Văn Tl trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết*:

Cha các nguyên đơn tên Phan Văn P, sinh năm 1949 chết ngày 05/3/1988, mẹ tên Nguyễn Thị P1 sinh năm 1857, chết ngày 05/9/2017. Khi còn sống, bà P1 được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/12/2013, thửa đất số 572, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.138m^2, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau này các nguyên đơn nghe nói bị đơn Hết đã tự ý làm thủ tục chỉnh lý sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 572 mà không có ý kiến của anh em là không đúng quy định của pháp luật.

Ông P và bà P1 có 07 người con, gồm: 1- Phan Văn B, 2- Phan Văn L, 3- Phan Thị Kim S, 4- Phan Văn G, 5- Phan Văn T, 6- Phan Văn T1 và 7- Phan Văn H. Cha mẹ chết không để lại di chúc.

Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia đều đất thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 572, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.138m^2, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho các con và hủy chỉnh lý sang tên ông H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* *Bị đơn Phan Văn H trình bày*: Bị đơn thừa nhận các nguyên đơn trình bày đúng về họ tên cha mẹ và các anh chị em trong gia đình. Bị đơn Hết không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của các anh em ruột, vì: Khi còn sống mẹ tên Nguyễn Thị P1 đã làm thủ tục cho tặng bị đơn Hết toàn bộ thửa đất số 572, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và bị đơn Hết đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất theo đúng quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Kim S trình bày*: Thống nhất với phần trình bày của các nguyên đơn về phần cha mẹ và các anh chị em trong gia đình. Hiện nay bà S là người có điều kiện về kinh tế nhất trong các anh chị em trong gia đình. Vì vậy, bà S yêu cầu được nhận nhà và đất để các anh chị em trong gia đình sử dụng chung làm nơi thờ cúng cha mẹ, bà S đồng ý trả giá trị bằng tiền cho các anh chị em trong gia đình theo kết quả định giá tài sản.

** Kết quả đo đạc thực tế và định giá tài sản cụ thể như sau*:

- Diện tích đất tranh chấp thừa kế theo đo thực tế của Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Sóc Trăng, thể hiện: Thửa đất số 527, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có diện tích 1.230,1m^2.

- Giá trị bằng tiền theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Đ là: 839.367.030 đồng, trong đó giá trị đất là 369.558.000 đồng, giá trị căn nhà là: 231.654.039 đồng, giá trị cây trồng là 22.855.000 đồng.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

+ Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia ½ (50%) giá trị quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 572 của cha theo quy định của pháp luật, vì đây là tài sản chung của cụ P và cụ P1 được các đương sự thừa nhận.

- Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia ½ (50%) giá trị quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 572 của mẹ, vì khi còn sống cụ P1 đã làm giấy cho tặng bị đơn Hết phần đất này.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia giá trị căn nhà và cây trồng trên đất của mẹ, vì cụ P1 chỉ cho tặng bị đơn Hết diện tích đất, không cho tặng tài sản trên đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao nhà và đất cho bị đơn Hết toàn quyền sử dụng, buộc bị đơn Hết phải trả giá trị bằng tiền theo kết quả định giá tài sản cho các đồng thừa kế khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn Phan Văn B, Phan Văn L, Phan Văn G, Phan Văn T và Phan Văn T1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia đều đất thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 572, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.138m^2, đất tọa

lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho các con và hủy chỉnh lý sang tên ông H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, thì thấy rằng*:

- Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Diện tích đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là của cha ruột tên Phan Văn P mẹ ruột tên Nguyễn Thị P1. Căn nhà là của mẹ tên Nguyễn Thị P1 xây dựng còn cây trồng thì do mẹ và bị đơn Hết trồng. Vì vậy, đây là những sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 572 là tài sản chung của cụ P và P1. Sau khi cụ P chết ngày 05/3/1988, đến ngày 02/12/2013 thì cụ P1 được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 572.

Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về "Thời hiệu thừa kế" cụ thể như sau:

1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản được giải quyết như sau:

a) Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này;

b) Di sản thuộc về Nhà nước, nếu không có người chiếm hữu quy định tại điểm a khoản này.

2. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

3. Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Như vậy, từ khi cụ P chết ngày 05/3/1988 đến ngày 02/12/2013 cụ P1 được cấp giấy thửa đất số 572, thì thời hiệu về thừa kế của cụ P như đã được viện dẫn nêu trên vẫn còn. Các đương sự đều thừa nhận: Cụ P chết không để lại di chúc. Vì vậy, di sản thừa kế của cụ P là ½ (50%) quyền sử dụng đất tại thửa đất số 572 được chia thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Các đương sự đều thừa nhận: Cụ P chết không để lại di chúc. Cụ P có vợ tên Nguyễn Thị P1 và 07 người con gồm: 1- Phan Văn B, 2- Phan Văn L, 3- Phan Thị Kim S, 4- Phan Văn G, 5- Phan Văn T2, 6- Phan Văn T1 và 7- Phan Văn H.

Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về "Người thừa kế theo pháp luật", cụ thể như sau:

"1. *Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:*

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. *Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.*

3. *Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản*".

Theo quy định nêu trên thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ P gồm 08 người, cụ thể là vợ tên Nguyễn Thị P1 và 07 người con gồm: 1- Phan Văn B, 2- Phan Văn L, 3- Phan Thị Kim S, 4- Phan Văn G, 5- Phan Văn T2, 6- Phan Văn T1 và 7- Phan Văn H.

Giá trị bằng tiền theo kết quả định giá tài sản của thửa đất số 572 là: 369.558.000 đồng. Như vậy, di sản thừa kế của cụ P có giá trị bằng tiền là: 369.558.000 đồng : 2 = 184.779.000 đồng. Di sản thừa kế của cụ P được chia đều cho vợ và 7 con là: 184.779.000 đồng : 8 = 23.097.375 đồng. Như vậy, mối kỷ phần thừa kế của cụ P có giá trị bằng tiền là 23.097.375 đồng.

Ngày 22/5/2015 cụ P1 đã tự nguyện ký tên vào "Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất" cho tặng con trai là bị đơn Phan Văn H thửa đất số 572, bị đơn Hết đã làm đầy đủ thủ tục và ngày 17/6/2025 cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã làm thủ tục chỉnh lý sang tên cho bị đơn Phan Văn H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ P1 ngày 02/12/2013. Như vậy, phần di sản của cụ P1 đã cho tặng bị đơn Hết, thì bị đơn Hết được toàn quyền sử dụng. Vì vậy, yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn về phần di sản thừa kế của cụ P1 không được chấp nhận.

Xét yêu cầu nhận hiện vật của các nguyên đơn và người liên quan S, thì thấy rằng:

Khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về "Phân chia di sản theo pháp luật" cụ thể như sau:

Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia".

Theo quy định nêu trên thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật. Tuy nhiên, trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 572 có 50% là của cụ P1 đã cho tặng bị đơn Hết và trên đất có căn nhà của cụ P1 đã cho tặng bị đơn Hết, nên việc chia đất thừa kế cho các nguyên đơn và người liên quan S sử dụng là không thể thực hiện trên thực tế. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định chia thừa kế bằng tiền đối với ½ (50%) diện tích đất tại

thửa 572, thì vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn và người liên quan S theo quy định của pháp luật đã được viện dẫn nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của người liên quan S về việc xin nhận thừa kế là là quyền sử dụng đất tại thửa 572. Hội đồng xét xử quyết định giao toàn bộ nhà và đất tại thửa 572 cho bị đơn Hết trực tiếp sử dụng và buộc bị đơn Hết phải trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa khác.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có căn cứ một phần, như những phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[2] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện chia thừa kế được chấp nhận. Vì vậy, mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận thừa kế, cụ thể là: 23.097.375 đồng x 5% = 1.154.000 đồng (đã được làm tròn số) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là*: 22.383.000 đồng. Nguyên đơn B, L, G, T2 và T1 không được chấp nhận. Vì vậy, các nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các nguyên đơn đã nộp đủ và đã sử dụng hết cho xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 468; Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Văn B, Phan Văn L, Phan Văn G, Phan Văn T và Phan Văn T1, về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của cha, cụ thể như sau:

1- Xác định ½ (50%) giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số 01, diện tích theo đo thực tế là 1.230,1m^2, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ có giá trị bằng tiền là: 184.779.000 đồng (*một trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) là di sản thừa kế của cha tên Phan Văn P chết để lại.

2- Bị đơn Phan Văn H được sử dụng toàn bộ thửa đất số 572, tờ bản đồ số 01, diện tích theo đo thực tế là 1.230,1m^2, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh

Sóc Trăng nay là ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ và tài sản trên đất là nhà và cây trồng, trong đó có ½ (50%) quyền sử dụng đất là di sản của cha tên Phan Văn P và ½ (50%) quyền sử dụng đất là di sản của mẹ tên Nguyễn Thị P1 đã cho tặng bị đơn Hết.

3- Bị đơn Phan Văn H có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền đối với ½ (50%) quyền sử dụng đất là di sản của cha tên Phan Văn H cho các anh chị em gồm: 1- Phan Văn B, 2- Phan Văn L, 3- Phan Thị Kim S, 4- Phan Văn G, 5- Phan Văn T2, 6- Phan Văn T1 và 7- Phan Văn H mỗi người 01 kỷ phần thừa kế có giá trị bằng tiền là: 23.097.375 đồng (*hai mươi ba triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền phải thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4- *Án phí dân sự sơ thẩm*:

- Các nguyên đơn Phan Văn B, Phan Văn L, Phan Văn G, Phan Văn T2 và Phan Văn T1 mỗi người phải chịu 1.154.000 đồng (*một triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà các nguyên đơn mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003368 (nguyên đơn Giàu), biên lai số 0003369 (nguyên đơn Tỉnh) biên lai số 0003379 (nguyên đơn T1) biên lai số 0003371 (nguyên đơn Bống) và biên lai số 00033767 (nguyên đơn Láng) cùng ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng nay là Thi hành án dân sự Khu vực 9, thành phố Cần Thơ. Các nguyên đơn B, L, G, T và T1 mỗi người phải nộp bổ sung án phí sơ thẩm là 854.000 đồng (*tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng*).

- Bị đơn Phan Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Kim S mỗi người phải chịu 1.154.000 đồng (*một triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

5- *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*: Các nguyên đơn Phan Văn B, Phan Văn L, Phan Văn G, Phan Văn T và Phan Văn T1 tự nguyện chịu 22.383.000 đồng (*hai mươi hai triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn đồng*). Các nguyên đơn đã nộp đủ và đã sử dụng hết cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

6- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo nêu trên, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tp Cần Thơ;
TÒA
- THA Dân sự Tp Cần Thơ;
- THA Dân sự Khu vực 9, Tp Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Nam Trung